

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2020.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hải

Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số Z, ấp T, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ O, Ấp A, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H kết hôn tháng 2017, có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng

Tháp. Thời gian đầu chị T và anh H chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh H không tìm hiểu rõ về nhau trước khi cưới nên trong cuộc sống vợ chồng nảy sinh bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị và anh H ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn H có 01 con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 15/11/2018. Hiện nay con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Trần Văn H không có tài sản chung, không có nợ ai, không cho ai nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn H nhưng anh H không có văn bản ghi ý kiến đối với nội dung vụ án, đồng thời không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Trần Văn H có địa chỉ tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Cường là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị T trình bày sau khi kết hôn với anh H thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng do anh chị không tìm hiểu rõ về nhau trước khi cưới nên bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn, nhiều lần chị và anh H tìm cách hàn gắn nhưng không được nên chị vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có ý kiến về quan hệ hôn nhân và vắng mặt tại phiên tòa.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn H có 01 con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 15/11/2018. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có ý kiến về con chung và vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh H không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi con chung. Từ khi chị T và anh H không sống chung đến nay, con chung đều sống chung và gần gũi với chị T ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Tiếp tục giao con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 15/11/2018 cho chị T trực tiếp nuôi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; Anh H không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai nợ; Anh H không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Giao con chung của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Văn H tên Trần Ngọc H, sinh ngày 15/11/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống chung với chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008100 ngày 07/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã T, Tp C, tỉnh Đồng Tháp (số 53 ngày 07/8/2007);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo